

Số: 79/2008/QĐ-BNN

Hà Nội, ngày 08 tháng 7 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH “DANH MỤC BỔ SUNG PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH
DOANH VÀ SỬ DỤNG Ở VIỆT NAM”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

*Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 3 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
Căn cứ Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07/10/2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón;
Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ Quy định quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hoá;
Căn cứ Quyết định số 36/2007/QĐ-BNN ngày 24/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Quy định sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón;
Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam bao gồm 64 loại, được chia thành:

1. Phân khoáng 02 loại;
2. Phân trung vi lượng 02 loại;
3. Phân hữu cơ sinh học 09 loại;
4. Phân hữu cơ khoáng 09 loại;
5. Phân vi sinh vật 01 loại;
6. Phân bón lá 41 loại;

Điều 2. Tổ chức, cá nhân được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng các loại phân bón tại Danh mục bổ sung này khi có đủ các điều kiện quy định tại Điều 5 của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và khoản 4 Điều 1 của Nghị định 191/2007/NĐ-CP ngày 31/12/2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày kể từ ngày đăng Công báo. Loại khỏi Danh mục phân bón được phép sản xuất kinh doanh và sử dụng tại Việt Nam đối với các loại phân bón dưới đây kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Phân MAP có số thứ tự 8 trang 3 tại Quyết định số 40/2004/QĐ-BNN ngày 19/8/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Ban hành Danh mục phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

2. Phân bón lá có số thứ tự 190 trang 26 tại Quyết định số 55/2006/QĐ-BNN ngày 7/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc Ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

3. Phân hữu cơ sinh học có số thứ tự 4 trang 4 tại Quyết định số 102/2007/QĐ-BNN ngày 11/12/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

4. Phân trung vi lượng có số thứ tự 3, 8, 12, 13 trang 2; Phân hữu cơ khoáng có số thứ tự 38, 39, 40, 41, 42, 43 trang 7; số thứ tự 44 trang 8; Phân hữu cơ sinh học có số thứ tự 15, 16, 17 trang 9; Phân bón lá có số thứ tự 2 trang 10; số thứ tự 95, 96 trang 16 tại Quyết định số 59/2008/QĐ-BNN ngày 9/5/2008 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Trồng trọt, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến sản xuất, kinh doanh và sử dụng phân bón ở Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Bá Bổng

DANH MỤC

BỔ SUNG PHÂN BÓN ĐƯỢC PHÉP SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ SỬ DỤNG TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 79 /2008/QĐ-BNN ngày 08 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ NN & PTNT)

I. PHÂN KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký khảo nghiệm
1	YaraLiva TM NITRABOR TM	%	N: 15,4; CaO: 26; B: 0,3	CT TNHH YARA VIỆT NAM
2	NICALCIT	%	N: 15; CaO: 26	CT TNHH TM&DV Đồng Việt

II. PHÂN TRUNG VI LƯỢNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Super vi lượng tổng hợp Việt Mỹ	%	Axit Humic: 3; N: 3; SiO ₂ : 2; MgO: 2; CaO: 2	CT CP Phân bón Việt Mỹ
	Cu: 550; Zn: 800; Fe: 500; Mn: 500; Mo: 10; Co: 50; B: 500; NAA: 300			
2	SiCaMag	%	SiO ₂ : 25; CaO: 40; MgO: 3	CT TNHH Thanh Hưng

III. PHÂN HỮU CƠ SINH HỌC

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Đầu Trâu Biorganic No1	%	HC: 25; Axit Humic: 2; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-2; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	Công ty Phân bón Bình Điền
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
			pH _{KCl} : 5-7	
2	Đầu Trâu Biorganic No2	%	HC: 25; Axit Humic: 2; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-3; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	Công ty Phân bón Bình Điền
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
		Cfu/g	Trichoderma: 1x10 ⁶	
			pH _{KCl} : 5-7	
3	NEB-26	%	HC: 24,8; P ₂ O _{5hh} : 0,38; Ca: 0,079; K: 0,018; Mg: 0,033	CT AGMOR, INC. Hoa Kỳ; CT CPXD&TM Phú Bắc
		ppm	Cu: 86; B: 5; Zn: 4,3; Mn: 13	
			pH: 3,4-3,6	
4	Silic Sao Mai	%	HC: 27,4; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 1,9-1,1-2,5; S: 3,2; SiO ₂ : 15,3; Mg: 0,83; Ca: 2,6; Fe: 1; Mn: 0,07; Cu: 0,03; B: 0,02; Độ ẩm: 24,8	CT TNHH Phân bón Sao Mai
			pH _{KCl} : 5-7	
5	Tambagro G	%	HC: 35; Axit Humic: 5; P ₂ O _{5hh} : 3; Độ ẩm: 25	Xí nghiệp Tư doanh Tam Ba
			pH _{KCl} : 7	
6	Tambagro T	%	HC: 35; Axit Humic: 5; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-1; Độ ẩm: 25	
			pH _{KCl} : 7	
7	Bột Cá số 1	%	HC: 23,5; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 1-1-1; CaO: 4; MgO: 2; Bột cá: 50	CT CP Phân bón Việt Mỹ
8	HC5 + TE	%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-1-1; MgO: 4; CaO: 2; Độ	

			ẩm: 25	
9	VN1	%	HC: 23; Axit Humic: 3; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-1-1; MgO: 2; CaO: 4; Độ ẩm: 25	CT TNHH TM-DV-SX Phân bón Việt Nga

IV. PHÂN HỮU CƠ KHOÁNG

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Đầu Trâu Biorganic No3	%	HC: 25; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 6-3-3; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	Công ty Phân bón Bình Điền
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
			pH _{KCl} : 5-7	
2	Đầu Trâu Biorganic No4	%	HC: 25; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-4-2; Mg: 0,2; Ca: 0,05; Penac K: 0,1; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 200; Cu: 300; Zn: 1200; B: 400	
			pH _{KCl} : 5-7	
3	VN 555	%	HC: 20; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 5-5-5; SiO ₂ : 3,6; MgO: 0,5; CaO: 1,2; Độ ẩm: 25	CT CP Phân bón Việt Mỹ
		ppm	Fe: 1.100; Mn: 422; Zn: 300; Cu: 200; B: 98	
4	Lucky 3	%	HC: 20; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 5-2-5; SiO ₂ : 3,6; MgO: 0,5; CaO: 1,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 1100; Mn: 422; Zn: 300; Cu: 200; B: 98	
5	α2 (alpha 2)	%	HC: 23; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 3-7-2; SiO ₂ : 0,3; MgO: 0,2; CaO: 0,5; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 100; Mn: 100; Zn: 300; Cu: 100; B: 100	
6	α3 (alpha 3)	%	HC: 23; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 7-3-2; SiO ₂ : 0,3; MgO: 0,2; CaO: 0,5; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 100; Mn: 100; Zn: 300; Cu: 100; B: 100	
7	CHITO	%	HC: 20; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 4-2-2; SiO ₂ : 3,6; MgO: 0,5; CaO: 1,2; Oligo Chitosan: 2; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 1100; Mn: 422; Zn: 300; Cu: 200; B: 98	
8	Lucky 1	%	HC: 20; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-4-2; SiO ₂ : 3,6; MgO: 0,5; CaO: 1,2; Độ ẩm: 25	
		ppm	Fe: 1100; Mn: 422; Zn: 300; Cu: 200; B: 98	
9	Đa Vi Lượng - VN	%	HC: 20; N-P ₂ O _{5hh} -K ₂ O: 2-2-4; SiO ₂ :	CT TNHH TM-DV-SX

			3,6; MgO: 0,5; CaO: 1,2; Độ ẩm: 25	Phân bón Việt Nga
		ppm	Fe: 1100; Mn: 422; Zn: 300; Cu: 200; B: 98	

V. PHÂN VI SINH VẬT

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	Pro Grow	Cfu/g	Rhizobium/azotobacter: $3,8 \times 10^6$; Bacillus Bacteria: $6,2 \times 10^8$	VPĐD PACIMEX.LLC tại Việt Nam

VI. PHÂN BÓN LÁ

TT	Tên phân bón	Đơn vị	Thành phần, hàm lượng đăng ký	Tổ chức, cá nhân đăng ký
1	AFA-1	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,6-2-1,2; As: 0,002; Ni: 0,005; Ti: 0,02; Cr: 0,05; NaCl: 5	Công ty TNHH Abio Global
		ppm	MgO: 150; Ca: 150; NAA: 200; Thiocyanates: 50; Sulphamic axit: 50; Nitrous axit: 200	
			pH _{KCl} : 5,1	
2	AFA-2	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2,2-2,2-2; As: 0,002; Ni: 0,005; Ti: 0,02; Cr: 0,05; NaCl: 5	
		ppm	Ca: 200; MgO: 200; Fe: 500; Cu: 200; Zn: 100; Mn: 100; Vitamin B1: 100; Thiocyanates: 50; Sulfamic axit: 50; Nitrous axit: 200	
			pH _{KCl} : 5,3	
3	AFA-3	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,8-1,6-1; As: 0,002; Ni: 0,005; Ti: 0,02; Cr: 0,05; NaCl: 5	
		ppm	Ca: 50; MgO: 200; Fe: 300; Cu: 100; Zn: 50; Mn: 50; B: 500; Vitamin B1: 250; Thiocyanates: 50; Sulfamic axit: 50; Nitrous axit: 200	
			pH _{KCl} : 5,5	
4	AFA-4	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 1,3-1,6-2,2; As: 0,002; Ni: 0,005; Ti: 0,02; Cr: 0,05; NaCl: 5	
		ppm	Ca: 150; MgO: 150; Fe: 150; B: 200; Vitamin B1: 200; NAA: 200; Thiocyanates: 50; Sulfamic axit: 50; Nitrous axit: 200	

			pH _{KCl} : 5,3	
5	AMC Ra Hoa (AMINOSIN)	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 15-30-15	CT TNHH XNK AMC
		ppm	B: 250; Mn: 250; Zn: 28; Cu: 12; Mo: 7; Fe: 120	
6	Boom Flower-n	%	Nitrobenzen: 20; Hoạt chất bề mặt: 40; Chất phụ gia: 40	CTCP BVTV An Giang
7	Đầu Trâu Ra Rễ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 3-5-2; Cu: 0,1; MgO: 0,5; NAA: 0,5; Axit Humic: 4	Công ty Phân bón Bình Điền
			pH _{KCl} : 5-7	
8	Đầu Trâu Lớn Trái	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 30-5-15; Cu: 0,1; MgO: 0,5; GA3: 0,2	
			pH _{KCl} : 5-7	
9	Đầu Trâu Ra Hoa	%	Bachlobutarol: 95	
		ppm	Zn: 50; Cu: 50; Mn: 50; B: 100	
			pH _{KCl} : 5-7	
10	Đầu Trâu Bội Thu	%	Axit Humic: 2; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-1-3; NAA: 0,2	
		ppm	Zn: 50; Cu: 50; Mn: 50; B: 100	
			pH _{KCl} : 5-7	
11	Đầu Trâu Cao Nguyên	%	N: 8; NAA: 0,2; NOA: 0,1; Nitrophenol: 0,1; Axit Humic: 5	Công ty Phân bón Bình Điền
		ppm	Mo: 10; Mn: 100; B: 50	
			pH _{KCl} : 5-7	
12	Đầu Trâu Đầy Bò	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-2-8; Ca: 4; NAA: 0,1; Nitrophenol: 0,1	
		ppm	Mn: 600; Fe: 600; Mo: 5; B: 80; Cu: 200; Zn: 200	
			pH _{KCl} : 5-7	
13	Đầu Trâu Được Mùa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-8-4; Ca: 6; NAA: 0,1; Nitrophenol: 0,1	
		ppm	Mn: 600; Mo: 5; B: 80; Cu: 200; Zn: 200	
			pH _{KCl} : 5-7	
14	Đầu Trâu Lợi Hoa	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-12-10; NAA: 0,1; GA3: 0,3	
		ppm	Mn: 50; B: 50; Cu: 50; Zn: 100	
			pH _{KCl} : 5-7	
15	Multi-K (KNO ₃ . 13-0- 46)	%	N-K ₂ O: 13-46	CT Haifa Chemicals Ltd
16	HN-Siêu lớn trái	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; NAA: 0,3; Axit Humic: 2	Công ty TNHH SXTMDV Hoá Nông
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	
			pH _{KCl} : 6-7	

17	HN-Phosphate-Mg	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 32-3; MgO: 7	Công ty TNHH SXTMDV Hoá Nông
			pH _{KCl} : 6-7	
18	HN-Siêu Rễ	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 2-6-2; NAA: 0,4; Axit Humic: 4	
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	
			pH _{KCl} : 5-7	
19	HN-Humate	%	N-K ₂ O: 2-5; NAA: 0,2; Axit Humic: 8; MgO: 1; CaO: 1	
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	
			pH _{KCl} : 5-7	
20	HN-Siêu to hạt	%	N-K ₂ O: 5-18; NAA: 0,2; Axit Humic: 4; MgO: 1	
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	Công ty TNHH SXTMDV Lợi Nông
			pH _{KCl} : 6-7	
21	HN-Nitra-Magiê	%	N: 5; NAA: 0,3; Axit Humic: 4; MgO: 7	
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	
			pH _{KCl} : 6-7	
22	HN-Siêu kẽm	%	Zn: 20; B: 2; NAA: 0,2; MgO: 1	
		ppm	Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	
			pH _{KCl} : 6-7	
23	HN-Siêu vọt bông	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-10-10; NAA: 0,2; Axit Humic: 2	
		ppm	B: 400; Zn: 400; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 100	Công ty TNHH SXTMDV Lợi Nông
			pH _{KCl} : 6-7	
24	LN. 10-8-5+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-8-5	
		ppm	Cu: 100; Mg: 150; Zn: 100; Mo: 80; B: 200; Mn: 80; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 150; GA3: 250	
			pH _{KCl} : 6-7	
25	LN 8-30-15	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 8-30-15	
		ppm	Cu: 100; Mg: 200; Zn: 400; B: 200; Mn: 150; Vitamin B1: 100; Vitamin C: 150; GA3: 200; Ca: 200	
			pH _{KCl} : 6-7	
26	LN 4-8-4+TE+ Axit Humic 5%	g/l	Axit Humic: 5; N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-8-4; S: 2; Fe: 0,2; Mg: 0,35; Ca: 3,4; Zn: 0,04; NAA: 0,1	
			pH _{KCl} : 6-7	

27	LN 5-40-3	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-40-3; MgO: 2,5; Axit Humic: 2; Vitamin B1: 0,001; Vitamin C: 0,002; NAA: 0,1	
			pH _{KCl} : 6-7	
28	SILICA-PHOS ^{super}	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 12-6; SiO ₂ : 10; NAA: 0,3	CT TNHH MOSAN
29	SILICA- POTASS ^{super}	%	P ₂ O ₅ -K ₂ O: 4-12; SiO ₂ : 10; NAA: 0,2	
30	Pro Hume Plus	%	N-K ₂ O: 0.15-2; Axit Humic: 24,75	VPĐD PACIMEX.LLC tại Việt Nam
31	Pro Green	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 6,6-1,5-3,3; Axit Humic: 15	
32	Pro Root Saver	%	Axit Humic: 27; N-P ₂ O ₅ hh-K ₂ O: 0,45-0,08-1,65; Tro tảo bẹ: 29	
		Cfu/g	Bacillus Bacteria: 13,52x10 ⁹	
33	NV1	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; Axit Humic: 3	Công ty TNHH Nông Vĩnh
			pH _{KCl} : 6-7	
34	NV2	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-20-10; B: 1; Mg: 5; Zn: 2; Fe: 2	
35	NV3	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 10-10-20; B: 5; Mg: 3; Zn: 1; Fe: 1	
36	NV4	%	N: 7; B: 15	
			pH _{KCl} : 6-7	
37	TB-Humate	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 5-5-5; K-Humate: 5	Công ty TNHH SX TM TOBA
		ppm	Zn: 500; Cu: 300; Mn: 200; B: 50	
38	Ong Vàng	%	MgO: 9; S: 3; Zn: 1,5; Cu: 1,5; B: 0,5; Fe: 4; Mn: 4; Mo: 1; GA3: 0,005; Co: 0,005	
39	TB-Vi lượng 25-17-10	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 25-17-10; MgO: 1,5; Zn: 0,4; Cu: 0,5; B: 0,15; Fe: 0,4; Mn: 0,3; Mo: 0,005; NAA: 0,005	
40	TB-7-5-44+TE	%	N-P ₂ O ₅ -K ₂ O: 7-5-44; S: 7,5	
		ppm	Zn: 1500; Cu: 500; Mn: 500; B: 200; Mo: 50	
41	Humate - Lúa chuyên cho lúa	%	N-K ₂ O: 5-5; K-Humate: 5	
		ppm	Zn: 500; Cu: 300; Mn: 200; B: 50	